TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_CDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH11101943	Ngô Quốc	Anh	D11_CDT01							6.28	5.86	5.00	6.07	6.20		6.38	5.83	6.41	108	59	BT					
2	DH11100002	Lê Thành	Đạt	D11_CDT01							6.56	7.18		7.23	7.04		6.61	7.47	7.02	113	61	BT					
3	DH11100003	Tạ Hữu	Điều	D11_CDT01							4.50	6.41	5.71	6.47	6.30		6.50	6.29	6.51	108	59	BT					
4	DH11100005	Trần Công	Khanh	D11_CDT01							6.44	6.77	7.80	6.15	6.61		6.50	6.43	6.78	113	61	BT					
5	DH11100007	Nguyễn Anh	Khoa	D11_CDT01							6.44	6.18	6.14	6.69	7.09		6.80	6.91	7.00	115	62	BT					
6	DH11100008	Phan Trung	Kiên	D11_CDT01							6.00	5.36	0.00	5.00	5.91	8.29	5.91	6.30	6.45	100	55	BT					
7	DH11100009	Đỗ Tráng	Kiện	D11_CDT01							5.72	6.27	4.60	5.65	5.72	7.00	5.75	6.00	6.16	108	59	BT					
8	DH11100010	Thạch Hồng	Lâm	D11_CDT01							5.78	6.36	6.57	5.87	5.84		5.80	6.57	6.41	108	59	BT					
9	DH11100012	Nguyễn Phước	Nghĩa	D11_CDT01							6.11	6.73	9.00	6.73	6.39		6.95	7.23	7.11	112	61	BT					
10	DH11100014	Đại Diệu	Quang	D11_CDT01							5.39	4.64		5.46	6.16	5.80	5.95	6.70	6.18	102	56	BT					
11	DH11100015	Nguyễn Văn	Thái	D11_CDT01							5.83	7.09	8.29	6.69	6.91		7.30	7.05	7.12	111	60	BT					
12	DH11100016	Lý Văn Dũ	Thế	D11_CDT01							7.11	7.09	9.00	7.00	6.17		6.30	7.27	7.02	115	62	BT					
13	DH11100017	Ngô Hoàng Minh	Tiến	D11_CDT01							6.94	7.18	9.60	7.27	7.04		7.05	7.74	7.50	115	62	BT					
14	DH11100018	Nguyễn Nam	Tiến	D11_CDT01							6.11	6.27	6.50	5.53	6.64		6.21	6.90	6.69	110	60	BT					
15	DH11101955	Nguyễn Thành	Trung	D11_CDT01							6.61	6.82	9.71	6.62	6.91		5.89	7.11	6.98	111	60	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên nhà Trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Quí ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_DDT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH31100019	Bùi Tuấn	Anh	D11_DDT01							5.53	5.80	6.14	6.26	5.87		5.94	5.64	6.35	101	54	BT					
2	DH31100020	Trần Mạnh	Hậu	D11_DDT01							5.47	5.88	5.20	6.94	7.04	4.00	6.79	6.55	6.93	103	56	BT					
3	DH31100022	Ôn Thanh Văn	Khoa	D11_DDT01							5.63	6.72	5.80	7.60	7.00		7.36	7.74	7.17	109	58	BT					
4	DH31100025	Tăng Minh	Phương	D11_DDT01							4.89	4.76	6.14	5.11	5.96	7.00	5.18	6.08	6.14	101	54	BT					
5	DH31100027	Trần Văn	Quí	D11_DDT01							7.63	7.72		8.27	7.75		8.64	8.63	8.04	109	58	BT					
6	DH31100029	Trần Minh	Tuấn	D11_DDT01							8.05	8.16		8.80	9.00		8.86	8.94	8.59	109	58	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên nhà Trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HẢO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_VT01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH41100031	Lê Minh	Cần	D11_VT01							6.21	6.00	6.40	6.50	6.20		6.00	6.50	6.44	101	53	BT					
2	DH41100032	Phạm Văn	Chương	D11_VT01							6.68	6.48	6.00	7.73	6.85		7.31	6.58	7.06	105	55	BT					
3	DH41101910	Nguyễn Thị Liên	Hoa	D11_VT01							6.74	7.92	8.00	8.93	7.70		8.71	7.83	8.02	105	55	BT					
4	DH41100034	Đặng Thanh	Hùng	D11_VT01							6.95	6.56	8.00	7.73	6.50		7.43	7.07	7.16	105	55	BT					
5	DH41100035	Huỳnh Ngọc	Hưng	D11_VT01							5.11	5.64	5.29	7.87	6.61	6.00	7.00	6.40	6.87	102	54	BT					
6	DH41100036	Phạm Tuấn	Lộc	D11_VT01							5.26	3.52	7.50	6.81	5.05		7.43	5.52	5.99	91	49	BT					
7	DH41101899	Huỳnh Quốc	Phong	D11_VT01							6.47	6.20		6.89	6.74		7.75	6.73	7.06	105	55	BT					
8	DH41100037	Lương Văn	Quý	D11_VT01							9.16	8.72		9.20	8.65		8.50	8.42	8.79	105	55	BT					
9	DH41100038	Tô Tuấn	Thanh	D11_VT01							7.05	5.32		6.33	6.76		6.43	5.76	6.42	97	52	BT					
10	DH41101878	Cao Thị Minh	Thủy	D11_VT01							5.32	6.80	4.86	6.93	7.10	6.00	7.64	6.73	6.98	102	54	BT					
11	DH41100039	Nguyễn Hoàng	Tú	D11_VT01							6.37	6.24	6.00	7.20	6.91		6.79	7.07	6.91	105	55	BT					
12	DH41101874	Tạ Minh	Tuyến	D11_VT01							6.58	5.84	7.40	7.80	6.43		6.57	6.59	6.90	105	55	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên nhà Trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

QuLước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH51100041	Võ Xuân	An	D11_TH01							4.33	5.18	4.57	6.31	6.17	6.00	5.94	6.73	6.26	96	49	BT					
2	DH51100042	Nguyễn Quang	Công	D11_TH01							7.47	8.32		8.23	8.19		9.07	8.75	8.33	96	49	BT					
3	DH51100043	Nguyễn Quốc	Công	D11_TH01							7.40	7.32		7.38	7.06		7.33	8.22	7.53	100	51	BT					
4	DH51100044	Đào Quốc	Cường	D11_TH01							5.33	6.09	0.00	5.79	5.90	6.57	5.06	6.20	6.30	87	46	BT					
5	DH51100045	Danh Thị Thúy	Diễm	D11_TH01							7.47	6.36		7.23	6.33		7.00	6.56	6.90	93	47	BT					
6	DH51100047	Nguyễn Thành	Dũng	D11_TH01							5.73	6.55	6.50	6.62	5.83		6.57	6.94	6.65	90	46	BT					
7	DH51100050	Nguyễn Ngọc	Đạt	D11_TH01							5.00	5.95	4.57	5.92	6.06	6.40	5.71	5.79	6.16	85	44	BT					
8	DH51100051	Nguyễn Tấn	Đạt	D11_TH01							5.60	7.41	0.00	6.87	7.19		7.67	7.56	7.24	90	47	BT					
9	DH51100052	Hồ Hữu	Điền	D11_TH01							7.47	7.09		6.62	6.89		6.57	7.38	7.08	93	48	BT					
10	DH51100054	Nguyễn Thanh	Hiền	D11_TH01							7.80	7.82		6.69	7.56		6.71	6.95	7.41	98	50	BT					
11	DH51100055	Phan Minh	Hiếu	D11_TH01							6.60	7.09		6.54	7.31		6.25	7.50	6.97	96	49	BT					
12	DH51100056	Võ Minh	Hiếu	D11_TH01							7.07	6.82		6.92	6.94		6.21	6.44	6.80	92	48	BT					
13	DH51100058	Nguyễn Lê	Hoàng	D11_TH01							6.67	6.32		6.15	6.30		6.12	6.42	6.57	93	48	BT					
14	DH51100059	Đoàn Thị Thu	Huyền	D11_TH01							5.93	5.91	8.20	5.46	6.05		5.58	5.68	6.28	88	46	BT					
15	DH51100057	Thái Minh	Hưng	D11_TH01							7.40	6.77		8.23	7.50		6.71	8.06	7.40	93	48	BT					
16	DH51100060	Cao Tuấn	Kiệt	D11_TH01							7.07	7.09	6.00	7.08	7.19		6.69	7.33	7.20	97	49	BT					
17	DH51101961	Đỗ Văn	Lai	D11_TH01							5.33	5.95		6.56	6.44		5.44	6.88	6.44	94	48	BT					
18	DH51100061	Bùi Nhật	Minh	D11_TH01							7.07	6.36	5.00	6.46	6.32		6.19	7.32	6.86	94	48	BT					
19	DH51100062	Lê Thị Thanh	Mỹ	D11_TH01							7.20	6.77		6.31	6.38		6.50	8.50	6.96	93	48	BT					
20	DH51100063	Cao Hoàng	Nam	D11_TH01							7.27	5.73		6.69	6.35		6.50	7.68	6.98	96	49	BT					
21	DH51100064	Âu Trọng	Nghĩa	D11_TH01							4.93	5.14	7.00	5.77	6.05		5.44	3.57	5.58	82	44	BT					
22	DH51101879	Trịnh Thị	Nguyệt	D11_TH01							6.00	7.14	5.14	6.47	6.88		7.00	6.47	6.88	90	47	BT					
23	DH51100068	Huỳnh Hồng	Nhi	D11_TH01							6.93	6.41		5.69	6.39		6.71	5.94	6.41	93	48	BT					
24	DH51100067	Bùi Chí Hữu	Nhơn	D11_TH01							7.47	6.86		6.46	6.78		6.21	7.00	6.88	93	48	BT					
25	DH51100069	Trần Minh	Nhựt	D11_TH01							7.87	6.64		7.00	6.11		7.50	7.94	7.18	95	49	BT					
26	DH51100071	Lê Hà Vinh	Quang	D11_TH01							5.80	6.50	0.00	6.00	5.84	7.57	5.58	5.75	6.45	87	45	BT					
27	DH51100072	Lê Xuân	Quang	D11_TH01							6.33	6.14	4.00	6.15	6.35	6.00	4.94	5.67	6.21	90	45	BT					
28	DH51100073	Huỳnh Thanh	Sang	D11_TH01							5.40	4.64	5.60	4.31	4.50		4.56	4.00	4.84	57	29	BT					
29	DH51100076	Nguyễn Trần Thiện	Tài	D11_TH01							7.67	7.14		6.69	6.38		5.13	5.65	6.53	85	45	BT					
30	DH51100074	Võ Chí	Tâm	D11_TH01							5.60	5.91	0.00	5.56	5.30	2.00	5.56	5.68	5.94	82	43	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TH01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH51100075	Chung Khánh	Tân	D11_TH01							3.93	6.41		6.38	5.42	7.29	5.44	6.32	6.31	85	45	BT					
32	DH51100079	Phạm Thị Thu	Thảo	D11_TH01							8.07	7.50		6.00	6.94		7.06	8.00	7.40	98	50	BT					
33	DH51100080	Trần Ngọc	Thuấn	D11_TH01							6.07	5.95		4.80	5.74	8.00	4.94	5.05	5.81	82	42	BT	Nợ HP	Ko_DKMH	BTD [Ko_DKMH]	ĐC_HP	Ko_DKMH
34	DH51101904	Lâm Thị Vũ	Thường	D11_TH01							6.87	6.45		5.80	6.22		6.06	5.82	6.46	88	46	BT					
35	DH51100084	Nguyễn Hải	Trà	D11_TH01							5.67	6.45	4.86	5.38	6.00	6.00	6.41	6.28	6.41	91	47	BT					
36	DH51100086	Phan Minh	Trí	D11_TH01							6.20	7.05	8.00	7.38	6.44		7.43	6.81	7.01	94	48	BT					
37	DH51101971	Hoàng Ngọc	Trọng	D11_TH01							5.00	5.95	0.00	5.00	3.95	3.60	3.94	3.45	4.95	61	30	BT					
38	DH51100085	Nguyễn Thành	Trung	D11_TH01							7.40	6.82		6.92	6.88		6.38	6.06	6.79	93	48	BT					
39	DH51100083	Phạm Hoàng	Trương	D11_TH01							7.47	6.41		5.85	6.80		6.57	5.68	6.69	87	46	BT					
40	DH51100082	Nguyễn Thanh	Tú	D11_TH01							4.93	6.36	5.29	7.15	6.72		6.50	7.31	6.88	91	47	BT					
41	DH51100081	Thái Sơn	Tùng	D11_TH01							6.93	7.18		7.92	7.63		7.14	7.06	7.29	96	49	BT					
42	DH51100089	Trần Đình	Vi	D11_TH01							5.33	7.00		5.13	5.37	5.60	5.27	5.33	6.07	89	46	BT					
43	DH51100088	Ngô Hoàng	Việt	D11_TH01							7.67	7.55		7.92	7.50		7.44	8.75	7.79	98	50	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HẢO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TP01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH61100091	Đào Thị Ngọc	Anh	D11_TP01							8.53	8.67		7.65	7.67		8.24	7.35	8.02	108	56	BT					
2	DH61100092	Lê Chí	Công	D11_TP01							5.20	6.43	6.00	6.41	5.33		5.79	5.16	5.96	96	50	BT					
3	DH61100093	Đặng Thụy Thủy	Dương	D11_TP01							8.67	8.67		8.00	7.71		8.71	7.94	8.27	108	56	BT					
4	DH61100094	Nguyễn Quang	Đình	D11_TP01							4.87	5.33		4.76	5.46	2.50	6.04	1.67	5.04	73	37	CCHV_1	Nợ HP		CCHV_1	ĐC_HP	
5	DH61100053	Nguyễn Bảo	Giang	D11_TP01							6.53	6.59		6.24	5.88		6.84	6.47	6.45	108	57	BT					
6	DH61100095	Đỗ Thị Kim	Giàu	D11_TP01							6.00	6.62	9.00	6.00	5.46		7.26	6.21	6.51	106	55	BT					
7	DH61100099	Vũ Trường	Hải	D11_TP01							7.20	7.00		6.47	6.00		5.80	5.53	6.42	96	49	BT					
8	DH61100101	Nguyễn Thị	Hạnh	D11_TP01							6.60	7.57		6.06	5.95		7.14	6.82	6.83	104	54	BT					
9	DH61100102	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	D11_TP01							7.73	7.14		6.47	5.86		7.10	6.16	6.81	108	56	BT					
10	DH61100100	Lê Như	Hảo	D11_TP01							7.67	6.95		6.65	5.76		7.24	6.88	6.81	104	54	BT					
11	DH61100097	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	D11_TP01							7.53	7.95		8.12	7.43		8.00	7.41	7.75	110	57	BT					
12	DH61100096	Huỳnh Thúy	Hằng	D11_TP01							6.73	8.71	10.00	7.88	7.95		8.21	7.65	8.05	110	57	BT					
13	DH61100105	Nguyễn Ngọc	Huyền	D11_TP01							6.67	6.48		6.16	6.04		6.90	6.18	6.55	109	56	BT					
14	DH61100104	Nguyễn Thị Đan	Huỳnh	D11_TP01							5.93	6.00	7.40	6.24	5.13		7.53	6.47	6.48	102	53	BT					
15	DH61100098	Hồ Thị Diễm	Hương	D11_TP01							6.60	7.29	10.00	6.53	6.24		7.38	6.76	7.02	108	56	BT					
16	DH61100107	Trần Nguyễn Phượng	Khanh	D11_TP01							7.13	7.24		6.53	6.71		7.33	6.41	6.96	110	57	BT					
17	DH61100108	Nguyễn Thanh	Liêm	D11_TP01							6.00	5.52	6.50	5.80	5.46		6.25	6.06	6.04	96	51	BT					
18	DH61101945	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	D11_TP01							6.87	6.86		6.76	6.19		7.53	6.47	6.77	108	56	BT					
19	DH61100110	Hứa Thị Thanh	Minh	D11_TP01							7.53	7.10		7.12	6.29		7.29	6.74	7.03	106	55	BT					
20	DH61100111	Ngô Hoài	Nam	D11_TP01							7.40	6.43		6.94	6.33		7.71	6.59	6.94	108	56	BT					
21	DH61100112	Nguyễn Thị	Nga	D11_TP01							6.60	6.33	7.00	5.82	5.21		6.33	5.82	6.27	102	53	BT					
22	DH61100113	Võ Vương Hoàng	Ngọc	D11_TP01							7.73	7.38		6.53	5.92		8.00	6.47	7.04	108	56	BT					
23	DH61100114	Tô Nguyễn Khôi	Nguyên	D11_TP01							7.27	6.57		6.53	5.71		7.29	6.18	6.69	102	53	BT					
24	DH61100115	Hoàng Thanh	Nhàn	D11_TP01							6.93	5.71		5.76	5.08		6.14	5.70	6.05	96	51	BT					
25	DH61100116	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D11_TP01							5.73	6.43		5.18	5.88	7.20	6.37	6.35	6.43	99	52	BT					
26	DH61100117	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D11_TP01							8.07	6.57		7.29	6.62		8.18	6.47	7.14	108	56	BT					
27	DH61100118	Cao Trần Minh	Nhựt	D11_TP01							8.07	7.43		7.53	7.14		6.82	6.41	7.22	108	56	BT					
28	DH61100119	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D11_TP01							4.93	6.14	5.00	5.22	5.38		6.38	5.29	5.87	89	47	BT					
29	DH61100120	Trịnh Thị	Oanh	D11_TP01							5.73	6.33	0.00	4.88	5.38	7.60	6.45	6.32	6.33	99	52	BT					
30	DH61100122	Lê Thị Minh	Phước	D11_TP01							5.07	6.52		5.89	5.57		6.48	6.00	6.09	108	56	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TP01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH61100121	Phạm Thị Diễm	Phương	D11_TP01							6.07	6.86	7.50	6.29	5.92		6.65	6.47	6.70	103	54	BT					
32	DH61100124	Lê Minh Nhựt	Thanh	D11_TP01							7.27	6.38		7.35	6.21		7.00	6.59	6.81	104	54	BT					
33	DH61100123	Trương Thị ái	Thảo	D11_TP01							8.00	7.05		7.18	6.24		7.59	6.65	7.06	108	56	BT					
34	DH61100125	Hồ Minh	Thi	D11_TP01							7.07	6.90		6.24	6.52		7.11	6.59	6.79	108	56	BT					
35	DH61100126	Hà Thanh	Thủy	D11_TP01							6.00	5.62	8.00	6.47	5.58		7.19	6.23	6.57	105	55	BT					
36	DH61100127	Trần Kim	Thủy	D11_TP01							7.40	6.81		6.18	6.52		7.11	6.32	6.82	106	55	BT					
37	DH61100128	Phạm Thái	Thụy	D11_TP01							5.93	6.10		6.16	5.25		6.89	5.89	6.18	101	53	BT					
38	DH61100129	Doanh Thủy	Tiên	D11_TP01							5.27	6.14		5.94	5.58	3.71	6.63	5.95	6.25	98	52	BT					
39	DH61100132	Mai Thiện	Trí	D11_TP01							5.07	5.24	9.00	6.18	5.07		5.84	5.26	5.80	99	52	BT					
40	DH61100131	Đặng Nguyễn Xuân	Tú	D11_TP01							6.40	6.48		6.29	5.79		6.20	6.18	6.35	99	52	BT					
41	DH61100130	Nguyễn Thanh	Tùng	D11_TP01							6.60	7.10	8.00	6.82	6.57		6.94	5.94	6.77	106	55	BT					
42	DH61100134	Trần Ngọc	Viên	D11_TP01							6.93	6.00		5.88	5.33		6.47	5.84	6.19	99	52	BT					
43	DH61100135	Trần Quang	Vũ	D11_TP01							8.60	7.14		6.06	6.14		7.48	6.24	7.04	106	55	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TP02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH61100136	Lưu Thị Hồng Hà Kiều	Anh	D11_TP02							6.27	6.10	0.00	5.80	5.50	5.00	6.57	5.67	6.22	102	53	BT					
2	DH61100138	Lâm Thu	Ba	D11_TP02							7.27	7.19		6.24	5.90		8.06	6.47	6.82	108	56	BT					
3	DH61100137	Vũ Thị Kim	Bình	D11_TP02							7.00	8.19		7.00	7.19		7.53	6.76	7.31	108	56	BT					
4	DH61100142	Lê Thị	Hạnh	D11_TP02							7.07	6.81		5.76	5.57		6.86	6.24	6.46	106	55	BT					
5	DH61100139	Du Quế	Hằng	D11_TP02							6.00	6.33	4.80	5.94	6.24	5.00	6.93	6.59	6.38	102	54	BT					
6	DH61100143	Lưu Thị	Hoa	D11_TP02							7.67	7.24		6.12	6.05		7.21	6.71	6.86	106	55	BT					
7	DH61100144	Phạm Thị Ngân	Hoa	D11_TP02							9.07	9.19	10.00	8.20	8.10		8.71	7.47	8.49	108	56	BT					
8	DH61100145	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D11_TP02							7.53	7.90		6.47	6.38		7.47	7.29	7.17	108	56	BT					
9	DH61100140	Phạm Quế	Hương	D11_TP02							6.93	6.38	0.00	5.82	5.63	3.00	6.37	6.35	6.38	102	53	BT					
10	DH61100141	Trần Thị	Hương	D11_TP02							7.13	6.48		6.06	5.43		6.25	5.90	6.32	100	52	BT					
11	DH61101873	Huỳnh Hoàng	Khá	D11_TP02							6.07	5.67	7.00	5.83	5.43		6.05	5.18	5.97	88	47	BT					
12	DH61100146	Lưu Thế Đăng	Khoa	D11_TP02							6.87	7.38		5.94	5.33		6.94	6.85	6.61	108	56	BT					
13	DH61100147	Khấu Anh	Kiệt	D11_TP02							5.53	6.29	7.00	6.67	6.00		5.74	6.59	6.45	97	51	BT					
14	DH61100148	Tạ Hoàng Phương	Linh	D11_TP02							6.80	5.90		6.41	6.17		6.82	6.29	6.48	104	54	BT					
15	DH61100149	Trần Bửu	Long	D11_TP02							6.27	5.71	5.00	4.82	5.38		5.55	5.53	5.83	86	46	BT					
16	DH61100151	Nguyễn Hoài	Minh	D11_TP02							6.07	6.33	6.50	5.76	5.48		6.32	6.26	6.24	102	53	BT					
17	DH61100150	Phan Thị Hoài	Mộng	D11_TP02							7.73	6.48		6.82	6.48		7.47	6.94	6.94	105	55	BT					
18	DH61100152	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D11_TP02							7.27	6.86		6.59	6.14		7.47	6.76	6.81	108	56	BT					
19	DH61100153	Trần Mỹ	Ngọc	D11_TP02							6.67	6.71		6.00	6.00		6.18	6.47	6.44	100	52	BT					
20	DH61100155	Nguyễn Thị ý	Nhi	D11_TP02							8.07	7.52		6.94	6.71		7.94	7.29	7.38	108	56	BT					
21	DH61100156	Châu Kim	Nhung	D11_TP02							8.13	6.90		7.47	7.14		7.88	7.24	7.42	108	56	BT					
22	DH61100154	Lê Thị Ngọc	Nhường	D11_TP02							7.33	6.48	7.00	6.29	5.75		6.86	6.35	6.75	101	53	BT					
23	DH61100157	Trần Cẩm	Phát	D11_TP02							7.53	5.81		6.29	5.86		6.37	6.10	6.37	100	52	BT					
24	DH61100158	Bùi Thị Ngọc Quí	Phương	D11_TP02							6.40	6.67		6.79	6.33	6.00	7.33	6.76	6.73	105	55	BT					
25	DH61100159	Trần Nguyễn Khánh	Phương	D11_TP02							7.20	5.95		5.65	4.83		5.65	6.10	6.02	94	50	BT					
26	DH61100160	Nguyễn Minh	Quang	D11_TP02							8.33	7.19		7.59	6.81		7.53	6.53	7.29	104	54	BT					
27	DH61100161	Nguyễn Ngọc	Sơn	D11_TP02							7.47	6.43		6.35	6.08		6.45	7.00	6.74	106	55	BT					
28	DH61100167	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	D11_TP02							7.73	6.81	10.00	6.80	7.10		7.29	6.65	7.10	106	55	BT					
29	DH61100163	Nguyễn Văn	Thành	D11_TP02							6.87	5.95		6.59	6.17		6.21	6.45	6.51	100	52	BT					
30	DH61100164	Bùi Thị Thu	Thảo	D11_TP02							5.60	5.43	6.00	5.76	6.33		6.48	6.65	6.28	99	52	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TP02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH61100165	Lê Phạm Thu	Thảo	D11_TP02							7.47	6.62		6.65	5.62		6.82	6.47	6.60	102	53	BT					
32	DH61100168	Hoàng Đức	Thịnh	D11_TP02							7.87	5.95		6.33	6.25		7.29	6.41	6.70	108	56	BT					
33	DH61100169	Phí Hoàng Thy	Thy	D11_TP02							6.00	5.86	0.00	5.41	5.10	4.00	6.40	6.40	5.87	84	46	BT					
34	DH61100173	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	D11_TP02							6.80	6.90	8.00	6.59	6.48		7.29	6.53	6.83	106	55	BT					
35	DH61100170	Huỳnh Trần Trân	Trân	D11_TP02							7.00	6.19		7.06	6.00		7.12	6.24	6.67	103	54	BT					
36	DH61100171	Phan Diễm Kiều	Trân	D11_TP02							7.93	6.76		5.71	5.92		7.09	6.41	6.81	103	54	BT					
37	DH61100172	Trần Phạm Huyền	Trân	D11_TP02							8.27	8.05		7.82	7.52		7.18	6.88	7.62	106	55	BT					
38	DH61101924	Trần Thị Mộng	Trinh	D11_TP02							7.80	7.57		6.35	6.67		6.89	6.18	6.98	104	54	BT					
39	DH61100175	Nguyễn Nhã	Uyên	D11_TP02							6.80	5.14		5.88	5.67		6.53	5.59	6.07	102	53	BT					
40	DH61100176	Nguyễn Thị	Vân	D11_TP02							8.07	7.19		7.18	6.86		7.82	6.94	7.31	108	56	BT					
41	DH61100177	Nguyễn Quốc	Vương	D11_TP02							5.20	5.67	5.60	5.29	5.29		4.48	4.95	5.50	76	42	BT					
42	DH61100178	Bùi Lê Thảo	Vy	D11_TP02							6.87	6.76		6.41	6.86		6.82	6.82	6.76	108	56	BT					
43	DH61100179	Lê Thị Kim	Yến	D11_TP02							5.60	5.90	6.00	5.65	5.71		6.55	6.21	6.31	102	53	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_KD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH71100263	Lư Nguyễn Tố	Anh	D11_KD01							8.00	6.35		6.59	7.21		6.47	6.95	6.85	110	43	BT					
2	DH71100222	Phạm Tuấn	Anh	D11_KD01							7.25	6.35	9.00	4.40	6.50	6.00	6.04	5.57	6.42	101	40	BT					
3	DH71100224	Trần Thanh	Bảo	D11_KD01							6.67	6.70	6.50	5.93	6.63		6.91	7.48	6.81	114	44	BT					
4	DH71001406	Mai Thanh	Công	D11_KD01				4.36			3.33	2.22		2.71	2.44		2.88	2.44	3.27	39	16	CB_BTH2			CB_BTH2		
5	DH71100345	Nguyễn Xuân Thạch	Cương	D11_KD01							7.08	6.43	7.00	3.06			0.16	0.00	3.20	34	14	CCHV_3		Ko_ĐKMH	BTH [Ko_ĐKMH+CCHV_3]		Ko_ĐKMH
6	DH71100183	Kim Thị Mỹ	Dung	D11_KD01							5.33	3.35	2.00	5.41	5.84	6.00	5.91	6.00	5.77	97	39	BT					
7	DH71100184	Lâm Thị Phương	Dung	D11_KD01							6.33	4.30	0.50	4.20	5.48	4.40	4.84	5.57	5.45	81	33	BT					
8	DH71100264	Quách Ngọc Hạnh	Dung	D11_KD01							7.92	7.70		7.47	8.05		7.26	7.80	7.69	110	43	BT					
9	DH71100306	Hà Quang	Dự	D11_KD01							8.08	6.91		6.59	7.32		6.32	7.10	6.99	110	43	BT					
10	DH71100182	Trần Thị Thùy	Dương	D11_KD01							7.00	7.22		7.24	7.41		7.42	6.60	7.25	107	42	BT					
11	DH71100189	Trần Thị Kiều Mai	Hạnh	D11_KD01							8.08	8.04		7.18	7.63		7.89	7.55	7.81	110	43	BT					
12	DH71001265	Thi Thị Thu	Hằng	D11_KD01				6.21	6.14	2.00	1.41			0.75	1.17		3.46	5.10	3.99	57	22	CB_BTH1			CB_BTH1		
13	DH71100230	Võ Thị Minh	Hằn	D11_KD01							5.83	7.78	9.00	7.20	8.21		7.68	7.45	7.51	110	43	BT					
14	DH71100349	Lê Ngọc	Hậy	D11_KD01							8.58	7.96		6.82	7.42		7.26	6.91	7.50	110	43	BT					
15	DH71100351	Võ Thụy Ngọc	Huyền	D11_KD01							8.25	7.70	7.00	6.76	7.32		7.42	7.30	7.48	110	43	BT					
16	DH71100270	Đặng Lê Ngọc	Huyền	D11_KD01							6.75	6.57		5.71	5.68	5.00	5.40	6.14	6.10	101	40	BT					
17	DH71100271	Nguyễn Thị	Huyền	D11_KD01							8.58	7.91		7.82	7.63		7.58	8.00	7.88	110	43	BT					
18	DH71100193	Trần Văn	Hưng	D11_KD01							7.50	7.22		6.59	5.79		6.74	6.68	6.79	107	42	BT					
19	DH71100389	Đoàn Trọng	Hữu	D11_KD01							8.25	7.87		7.76	7.63		7.21	7.62	7.69	111	43	BT					
20	DH71100232	Hoàng Vũ Anh	Khoa	D11_KD01							6.58	6.22	8.50	5.80	6.82		6.41	6.90	6.66	114	44	BT					
21	DH71100352	Phan Nguyễn Anh	Khoa	D11_KD01							7.75	7.48		6.71	6.16		6.26	7.14	6.89	111	43	BT					
22	DH71100354	Lâm ái	Liên	D11_KD01							8.58	8.13		7.59	7.68		7.89	7.00	7.77	110	43	BT					
23	DH71100199	Nguyễn Thị Dương	Liễu	D11_KD01							7.92	7.87	10.00	7.20	6.95		7.11	7.86	7.53	111	43	BT					
24	DH71100355	Trần Nguyễn Mai	Linh	D11_KD01							9.25	8.70		8.82	9.00		8.84	8.67	8.85	111	43	BT					
25	DH71100198	Võ Hoàng	Linh	D11_KD01							6.58	6.30		5.71	6.16	5.00	6.52	6.05	6.34	106	41	BT					
26	DH71100396	Trần Ngọc	Loan	D11_KD01							7.17	7.65	5.00	7.59	7.86		6.89	7.94	7.57	111	43	BT					
27	DH71100397	Ông Như Ngọc	Long	D11_KD01							6.58	6.13	0.00	5.06	4.85	2.60	4.76	3.64	5.43	78	31	BT					
28	DH71100315	Hồ Hà	Mi	D11_KD01							7.75	6.91		6.82	7.63		6.63	7.25	7.13	110	43	BT					
29	DH71100280	Lê Trần Tuyết	My	D11_KD01							7.00	6.83	5.00	7.00	7.53		6.79	6.80	7.02	107	42	BT					
30	DH71100358	Nguyễn Hoàng	Nam	D11_KD01							7.67	7.57		6.71	7.68		6.95	7.33	7.32	111	43	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_KD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH71100203	Nguyễn Hàng Soái	Ngọc	D11_KD01							6.50	6.48		6.57	6.42		5.32	5.90	6.18	109	42	BT					
32	DH71100204	Võ Mỹ	Ngọc	D11_KD01							6.50	6.65	7.00	5.76	6.00	7.00	6.79	6.91	6.70	110	43	BT					
33	DH71100206	Đặng Tố	Nguyên	D11_KD01							7.92			5.82	7.62		7.26	8.08	7.39	92	37	BT					
34	DH71100240	Tạ Hoàng	Nguyên	D11_KD01							7.92	6.22	9.00	5.67	6.05		5.27	6.28	6.31	107	42	BT					
35	DH71100281	Lê Thị Huỳnh	Như	D11_KD01							7.33	7.04		6.12	6.53		6.00	6.85	6.63	107	42	BT					
36	DH71100285	Nguyễn Thành	Phát	D11_KD01							7.83	6.74		6.12	6.79	4.00	6.47	6.80	6.74	107	42	BT					
37	DH71100366	Cao Minh Bảo	Phúc	D11_KD01							6.83	6.17	4.00	5.76	5.96	4.00	5.00	6.00	6.06	96	38	BT					
38	DH71100368	Nguyễn Hồng	Sơn	D11_KD01							6.58	7.30	5.00	6.53	6.74		6.63	6.57	6.77	105	41	BT					
39	DH71100369	Huỳnh Thanh	Tâm	D11_KD01							6.92	5.43	0.00	5.29	5.74	4.40	5.38	6.27	5.99	91	36	BT					
40	DH71100370	Lê Nguyễn Quốc	Tâm	D11_KD01							6.92	6.87		6.18	6.47	5.00	6.32	6.25	6.52	110	43	BT					
41	DH71100409	Ngô Thành	Tâm	D11_KD01							7.42	7.04		7.00	7.26		7.05	6.60	7.04	110	43	BT					
42	DH71100371	Lê Hoàng	Tân	D11_KD01							7.42	6.61	6.00	6.88	6.52		6.57	6.32	6.95	108	42	BT					
43	DH71100374	Đặng Trần Quyên	Thảo	D11_KD01							8.33	7.22		7.88	7.74		7.37	7.25	7.56	107	42	BT					
44	DH71100291	Nguyễn Mai N Phương	Thảo	D11_KD01							7.17	4.43		6.29	5.59		5.16	5.67	5.68	93	36	BT					
45	DH71100373	Lữ Minh	Thông	D11_KD01							7.75	7.43		7.06	7.58		7.21	7.24	7.36	108	42	BT					
46	DH71100336	Quách Trương Minh	Thuận	D11_KD01							6.25	6.52	0.00	7.12	7.68		6.74	7.15	7.04	108	42	BT					
47	DH71100212	Nguyễn Thị	Thủy	D11_KD01							7.08	7.52		6.43	7.26	6.00	7.42	7.05	7.22	116	45	BT					
48	DH71100214	Huỳnh Minh	Tí	D11_KD01							6.75	7.87		8.24	8.05		7.89	7.00	7.68	110	43	BT					
49	DH71100218	Nguyễn Trung	Tính	D11_KD01							5.17	5.87	0.00	5.29	4.32			0.60	4.68	56	22	CCHV_1			CCHV_1		
50	DH71100337	Võ Trần Song	Toàn	D11_KD01							6.83	6.48		5.00	2.05		5.63	5.43	5.27	78	31	BT					
51	DH71100293	Lê Thị Bảo	Trân	D11_KD01							7.42	7.04		7.35	6.63		7.42	7.05	7.18	110	43	BT					
52	DH71100416	Bùi Nhựt	Trường	D11_KD01							6.42	6.13	6.00	5.06	5.77	6.00	6.05	6.55	6.24	105	41	BT					
53	DH71100216	Trịnh Văn	Tú	D11_KD01							8.00	7.96		8.13	8.33		8.05	7.73	8.06	119	46	BT					
54	DH71100217	Lê Hoàng	Tuấn	D11_KD01							7.25	6.13		5.65	6.00		6.36	5.68	6.33	107	42	BT					
55	DH71100258	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	D11_KD01							6.92	6.65	7.00	5.20	6.00	4.00	5.68	5.86	6.20	96	37	BT					
56	DH71100377	Lê Minh	Tùng	D11_KD01							7.42	7.35		7.00	7.26		7.89	7.71	7.45	111	43	BT					
57	DH71100298	Võ Thị Ngọc	Uyển	D11_KD01							6.67	5.52		4.94	5.29	4.00	5.57	5.44	5.79	100	39	BT					
58	DH71100219	Nguyễn Thế Cẩm	Vân	D11_KD01							6.67	7.39		6.30	7.00		6.32	6.70	6.73	113	44	BT					
59	DH71100419	Đỗ Đoàn	Vũ	D11_KD01							7.67	7.52		7.94	8.47		8.16	8.10	7.98	111	43	BT					
60	DH71100261	Hồ Văn	Xòi	D11_KD01							6.50	6.91	4.00	5.59	6.47	6.00	5.53	6.43	6.32	110	42	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_KD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
61	DH71100300	Huỳnh Duy	Xuân	D11_KD01							6.83	6.52	0.00	6.24	6.47	7.00	6.29	6.25	6.51	105	41	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH71100262	Hồ Huỳnh	Anh	D11_MAR01							7.92	6.17		6.06	6.95		5.95	5.78	6.45	104	41	BT					
2	DH71100223	Trần Quốc	Bình	D11_MAR01							7.92	7.52	9.00	6.73	7.05		7.24	7.95	7.49	110	43	BT					
3	DH71100225	Phạm Huỳnh	Diễm	D11_MAR01							7.00	6.78	9.00	5.80	6.89	6.00	6.21	6.90	6.71	108	42	BT					
4	DH71100226	Phạm Thị	Diệu	D11_MAR01							6.83	6.87	5.00	6.67	6.14		4.95	5.48	5.39	102	40	BT		Ko_ĐKMH	BTD (Ko_ĐKMH)		Ko_ĐKMH
5	DH71100185	Nguyễn Thị Hồng	Đào	D11_MAR01							6.50	4.83			1.72		2.10	0.00	2.94	28	11	BTH	Nợ HP	Ko_ĐKMH	Buộc thôi học	ĐC_HP	Ko_ĐKMH
6	DH71100267	Phạm Thị Hồng	Hạnh	D11_MAR01							6.67	6.57		6.00	6.32		6.14	6.25	6.35	107	42	BT					
7	DH71100192	Trần Thị Minh	Hiếu	D11_MAR01							6.83	6.78	5.00	5.76	5.95	5.00	6.08	6.50	6.50	113	44	BT					
8	DH71100231	Nguyễn Huy	Hoàng	D11_MAR01							7.58	6.91	9.00	6.27	6.95		6.29	7.05	7.00	107	42	BT					
9	DH71100268	Võ Thúy	Huỳnh	D11_MAR01							6.33	4.91	1.00	5.21	5.25	3.80	5.54	5.96	5.81	96	38	BT					
10	DH71100187	Hồ Thị	Hương	D11_MAR01							6.58	7.17		7.00	6.24		6.64	7.10	6.85	113	44	BT					
11	DH71100274	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D11_MAR01							6.83	6.04		5.47	6.00		6.10	5.88	6.18	107	42	BT					
12	DH71100275	Trần Mỹ	Linh	D11_MAR01							6.83	5.78		5.06	5.58	3.00	5.38	5.72	5.81	96	38	BT					
13	DH71100278	Nguyễn Trọng	Luân	D11_MAR01							7.08	6.30		6.82	6.47		7.05	7.91	7.01	110	43	BT					
14	DH71100201	Lưu Tuyết	Mai	D11_MAR01							7.58	7.00		6.09	6.11	7.00	6.89	7.05	6.80	116	45	BT					
15	DH71100205	Phạm Trung	Nghĩa	D11_MAR01							6.67	7.35		5.88	5.89	6.00	7.05	6.91	6.85	110	43	BT					
16	DH71100238	Nguyễn Bạch Hồng	Ngọc	D11_MAR01							6.33	5.26		4.16	4.24	2.00	2.54	3.55	4.85	67	28	BT					
17	DH71100282	Nguyễn Hà Minh	Nhật	D11_MAR01							6.58	5.87	3.00	5.86	5.46	4.00	6.68	6.95	6.39	102	40	BT					
18	DH71100242	Nguyễn Yến	Nhi	D11_MAR01							7.00	8.22	8.00	7.35	7.58		7.32	7.40	7.61	110	43	BT					
19	DH71100207	Phan Thị Kiều	Như	D11_MAR01							6.67	6.52		5.71	6.17		5.95	6.95	6.53	107	42	BT					
20	DH71100209	Nguyễn Thị	Oanh	D11_MAR01							6.92	6.48		4.65	6.21	7.00	6.80	7.06	6.65	111	43	BT					
21	DH71100244	Trịnh Minh	Phú	D11_MAR01							7.08	7.78		7.00	7.47		6.42	7.85	7.31	110	43	BT					
22	DH71100288	Dương Văn	Sâm	D11_MAR01							8.67	7.61		7.65	7.74		7.42	8.40	7.86	110	43	BT					
23	DH71100246	Trịnh Trần Nhựt	Tân	D11_MAR01							6.83	5.52	4.00	4.80	5.29	4.00	5.12	6.26	5.88	96	38	BT					
24	DH71100248	Lưu Hoàng	Thanh	D11_MAR01							6.92	6.65	9.00	5.13	6.47	6.00	6.95	7.30	6.84	110	43	BT					
25	DH71100249	Phạm Ngọc	Thạnh	D11_MAR01							7.33	7.00	9.00	6.00	7.16	5.00	6.53	7.05	6.95	110	43	BT					
26	DH71100290	Lê Mai Phương	Thảo	D11_MAR01							7.58	1.78		4.82	4.91	4.00	4.90	6.18	5.35	76	31	BT					
27	DH71100292	Đỗ Ngọc	Thuận	D11_MAR01							5.75	5.00		5.00	4.82		5.47	5.36	5.41	91	36	BT					
28	DH71100251	Võ Dương Xuân	Thủy	D11_MAR01							8.33	7.91		7.35	8.09		7.00	7.40	7.76	110	43	BT					
29	DH71100213	Lưu Thị Thúy	Thúy	D11_MAR01							6.33	6.48	8.00	6.59	7.11		7.11	7.05	6.93	110	43	BT					
30	DH71100215	Lê Quang	Tiến	D11_MAR01							6.67	7.09	7.00	6.53	6.16		5.55	6.52	6.54	108	42	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH71100297	Hà Thanh	Trí	D11_MAR01							7.42	6.48		6.65	6.53		6.74	7.25	6.80	107	42	BT					
32	DH71100294	Phạm Thị Tuyết	Trinh	D11_MAR01							7.83	7.35		6.71	6.42		6.86	7.41	7.18	107	42	BT					
33	DH71100252	Lê Anh Thanh	Tú	D11_MAR01							7.42	6.87	9.00	5.67	7.00	6.00	6.37	7.30	6.87	108	42	BT					
34	DH71100299	Thi Hoàng	Văn	D11_MAR01							7.33	8.00	9.00	7.65	7.63		7.74	8.10	7.87	110	43	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH71100305	Khấu Thị Ngọc	Anh	D11_MAR02							6.92	6.22	7.00	6.76	6.00		6.89	7.88	7.05	110	43	BT					
2	DH71100347	Lý Thanh	Duyên	D11_MAR02							7.67	7.43		6.18	6.81		6.95	6.86	7.14	111	43	BT					
3	DH71100387	Huỳnh Thanh	Đức	D11_MAR02							8.08	8.26		8.71	8.95		8.68	8.90	8.62	110	43	BT					
4	DH71100391	Phạm Thanh	Hải	D11_MAR02							7.17	5.74	0.00	6.82	6.79	3.00	6.47	6.95	6.82	108	42	BT					
5	DH71100350	Lê Hồng	Hạnh	D11_MAR02							8.08	7.17		6.82	7.32	5.00	6.58	7.55	7.24	110	43	BT					
6	DH71100311	Nguyễn Minh	Hiển	D11_MAR02							7.25	6.22		6.24	6.50		5.67	6.00	6.39	108	42	BT					
7	DH71100393	Lê Kim	Hồng	D11_MAR02							7.42	6.57		5.47	6.17	5.00	5.10	5.32	6.36	100	39	BT					
8	DH71100394	Nguyễn Thụy Yến	Huỳnh	D11_MAR02							6.83	6.00		6.39	6.76	3.00	6.16	6.57	6.49	107	41	BT					
9	DH71100395	Trần Thị ái	Lan	D11_MAR02							7.50	7.52		7.29	8.14		6.62	7.56	7.50	111	43	BT					
10	DH71100353	Trần Thị Xuân	Lộc	D11_MAR02							7.08	7.13		6.12	6.89		7.26	7.35	6.99	110	43	BT					
11	DH71100316	Nguyễn Ngọc	Minh	D11_MAR02							7.50	6.87		6.35	7.00		6.26	6.76	6.76	108	42	BT					
12	DH71100357	Đào Vương Quốc	Mỹ	D11_MAR02							7.33	6.09	0.00	6.71	5.09		5.79	6.13	6.38	102	40	BT					
13	DH71100359	Mạch Kim	Ngân	D11_MAR02							6.75	7.00	6.00	6.12	6.48	7.00	6.47	7.40	6.89	110	43	BT					
14	DH71100360	Nguyễn Tuyết	Ngân	D11_MAR02							7.83	7.22		6.71	7.32		6.58	7.60	7.18	110	43	BT					
15	DH71100317	Nguyễn Võ Phương	Ngân	D11_MAR02							7.42	6.74		5.94	7.58		6.26	7.30	6.85	107	42	BT					
16	DH71100319	Hà Lê Phương	Nhi	D11_MAR02							6.92	7.30	10.00	7.71	7.58		7.37	7.80	7.58	110	43	BT					
17	DH71100320	Lê Yến	Nhi	D11_MAR02							7.75	7.48		6.71	7.74		7.21	7.52	7.40	111	43	BT					
18	DH71100403	Nguyễn Thị	Nhung	D11_MAR02							7.08	5.61		4.82	6.08	4.00	5.38	6.80	6.14	101	40	BT					
19	DH71100361	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D11_MAR02							7.17	6.48		5.84	6.53	4.00	6.23	7.38	6.70	106	41	BT					
20	DH71100406	Phan Văn	Phong	D11_MAR02							7.08	6.87		6.71	7.32	6.00	6.58	7.35	7.04	110	43	BT					
21	DH71100325	Huỳnh Tường	Phụng	D11_MAR02							7.00	6.74		6.76	6.37		6.26	6.91	6.71	111	43	BT					
22	DH71100365	Nguyễn Thanh	Phương	D11_MAR02							7.33	7.17		7.00	6.95	6.00	7.11	7.60	7.25	110	43	BT					
23	DH71100326	Nguyễn Quốc Đình	Quyền	D11_MAR02							6.83	7.65	5.00	6.41	6.58	8.00	6.74	7.40	7.15	110	43	BT					
24	DH71100367	Mạch Diệu	Quyên	D11_MAR02							7.75	6.74		5.76	7.00	6.00	6.27	6.90	6.81	110	43	BT					
25	DH71100327	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	D11_MAR02							7.33	6.09		6.06	5.74		6.58	7.12	6.60	110	43	BT					
26	DH71100328	Bùi Nam	Sơn	D11_MAR02							6.42	7.13		5.89	7.00	8.00	6.52	6.76	6.87	111	43	BT					
27	DH71100332	Lâm Du	Thạch	D11_MAR02							6.58	6.65	7.00	6.82	7.58		7.14	7.55	7.29	108	42	BT					
28	DH71100415	Vũ Trần	Thuận	D11_MAR02							6.58	5.96	0.00	6.59	6.83	4.20	6.32	7.20	6.82	108	42	BT					
29	DH71100411	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	D11_MAR02							7.75	7.70		6.71	7.47		6.79	8.24	7.46	111	43	BT					
30	DH71100375	Phủ Yến	Thy	D11_MAR02							7.42	6.91	8.00	6.94	6.95		7.21	7.15	7.20	110	43	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH71100418	Lê Minh Hùng	Tín	D11_MAR02							7.83	7.52		7.35	7.95		7.26	7.62	7.58	111	43	BT					
32	DH71100379	Hứa Thị Thu	Trang	D11_MAR02							7.33	7.13	9.00	6.29	6.58		6.95	7.55	7.06	107	42	BT					
33	DH71100338	Mai Thị Thùy	Trang	D11_MAR02							7.33	7.48		6.41	7.21		7.00	7.85	7.29	110	43	BT					
34	DH71100340	Nguyễn Hạnh	Tuyến	D11_MAR02							5.58	6.35		4.82	6.26		5.48	5.95	6.01	92	35	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH71100303	Đặng Trần Duy	An	D11_TC01							7.67	7.48		6.12	6.79		6.42	6.72	6.84	112	44	BT					
2	DH71100180	Nguyễn Thị Phước	An	D11_TC01							6.00	6.96		7.00	7.00		6.68	7.27	7.02	115	45	BT					
3	DH71100221	Trần Thành	An	D11_TC01							7.08	6.52	9.00	5.53	5.79		6.79	6.21	6.41	112	44	BT					
4	DH71100181	Nguyễn Văn	Bảo	D11_TC01							6.92	6.35		5.82	5.47		6.68	6.37	6.29	107	42	BT					
5	DH71100346	Lục Thanh	Dung	D11_TC01							8.00	7.39		7.65	7.79		7.37	7.32	7.54	115	45	BT					
6	DH71100307	Lư Mỹ	Dung	D11_TC01							8.25	7.52		7.00	7.37		7.53	7.96	7.59	115	45	BT					
7	DH71100308	Phạm Phương	Dung	D11_TC01							7.08	7.70	6.00	7.35	7.26		7.37	7.60	7.49	115	45	BT					
8	DH71101871	Nguyễn Huỳnh	Đăng	D11_TC01							8.08	7.35		7.18	7.21		6.68	6.40	7.06	115	45	BT					
9	DH71100302	Võ Trần Hải	Đăng	D11_TC01							7.33	7.13	7.00	7.06	7.58		6.89	6.72	7.16	115	45	BT					
10	DH71100186	Nguyễn Đoàn Hương	Giang	D11_TC01							7.08	7.61		6.57	8.37		7.57	7.84	7.58	121	47	BT					
11	DH71100266	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	D11_TC01							7.42	7.48		6.29	6.95	6.00	6.74	7.00	7.03	115	45	BT					
12	DH71100227	Nguyễn Thị Hương	Giang	D11_TC01							7.33	8.04	9.00	7.53	8.11		7.84	7.32	7.74	115	45	BT					
13	DH71100265	Lưu Thị Kim	Giàu	D11_TC01							7.25	5.91		5.53	5.27		5.62	5.48	5.99	98	39	BT					
14	DH71100188	Nguyễn Tố	Hà	D11_TC01							7.58	6.87	10.00	5.53	6.53		6.92	6.56	6.76	118	46	BT					
15	DH71100228	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D11_TC01							7.33	7.96	9.00	7.12	7.37		6.95	7.04	7.39	112	44	BT					
16	DH71100269	Đương Minh	Huy	D11_TC01							6.42	5.52		5.41	6.21	0.00	5.65	6.04	6.03	100	39	BT					
17	DH71100194	Lương Đức	Huỳnh	D11_TC01							7.25	6.65		7.00	5.88		6.89	5.74	6.58	112	44	BT					
18	DH71100196	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	D11_TC01							6.75	6.13		5.05	5.68	6.00	4.95	5.04	5.72	106	42	BT					
19	DH71100233	Phạm Thị Yến	Lan	D11_TC01							7.50	7.17		5.88	6.32	6.00	6.26	6.24	6.57	106	42	BT					
20	DH71100277	Cao Thị Thúy	Loanh	D11_TC01							7.42	6.48		5.76	5.89	4.00	6.11	6.43	6.41	109	43	BT					
21	DH71100234	Bùi Thanh	Ly	D11_TC01							7.50	7.22	9.00	7.60	8.16		8.68	7.20	7.72	112	44	BT					
22	DH71100279	Thái Thanh	Minh	D11_TC01							7.42	6.78		6.24	6.47		6.84	6.32	6.63	112	44	BT					
23	DH71100236	Trương Thị Ngọc	Minh	D11_TC01							7.17	6.61		5.35	6.48	6.00	6.82	5.88	6.53	115	45	BT					
24	DH71100202	Trịnh Thị Tuyết	Mỹ	D11_TC01							7.00	7.52		7.00	7.88	6.00	7.37	7.30	7.43	118	46	BT					
25	DH71100237	Phùng Ngọc	Nga	D11_TC01							8.25	8.00		7.47	8.00		8.37	7.56	7.97	115	45	BT					
26	DH71100241	Lê Mỹ	Nhàn	D11_TC01							6.92	7.30		6.76	6.89		7.68	6.76	7.06	115	45	BT					
27	DH71100208	Lê Thị Hồng	Nhi	D11_TC01							8.00	7.78		6.91	7.37	7.00	8.00	8.24	7.78	121	47	BT					
28	DH71100283	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D11_TC01							8.67	8.48		7.76	8.42		8.00	7.72	8.14	115	45	BT					
29	DH71100284	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D11_TC01							8.33	7.09		5.47	6.11	6.00	6.76	6.11	6.71	112	44	BT					
30	DH71100210	Đặng Hữu	Phước	D11_TC01							6.67	6.87		6.24	6.71	6.00	6.68	6.70	6.71	112	44	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH71100287	Thi Tấn	Quý	D11_TC01							5.83	6.22	7.00	5.76	6.79		7.32	6.20	6.43	113	44	BT					
32	DH71100286	Phạm Đặng Phương	Quỳnh	D11_TC01							6.67	6.22	7.00	5.53	6.27		6.76	6.60	6.50	112	44	BT					
33	DH71100289	Đoàn Thi Ngọc	Thảo	D11_TC01							7.42	7.30		6.59	7.16		7.21	7.48	7.27	115	45	BT					
34	DH71100331	Phạm Thị Hồng	Thắm	D11_TC01							5.33	5.74	0.00	5.12			5.95	1.83	4.58	61	24	CCHV_1			CCHV_1		
35	DH71100250	Phạm Thị Thu	Thủy	D11_TC01							7.58	8.13		7.65	7.89		7.74	7.28	7.71	115	45	BT					
36	DH71100254	Lê Diệu Kiều	Trang	D11_TC01							7.50	7.17		7.18	7.63		7.89	7.56	7.49	115	45	BT					
37	DH71100253	Dương Huỳnh	Trâm	D11_TC01							6.67	6.00		6.47	6.59	4.00	7.11	6.44	6.61	108	42	BT					
38	DH71100257	Đỗ Minh	Trí	D11_TC01							6.50	5.91		6.29	6.96		6.64	6.88	6.62	118	46	BT					
39	DH71100256	Đào Lê Minh	Trung	D11_TC01							6.67	6.17	9.00	5.27	5.41	6.00	6.32	5.82	6.22	112	44	BT					
40	DH71100260	Đoàn Tường	Vân	D11_TC01							7.33	7.52		7.29	7.95		7.74	7.24	7.51	115	45	BT					
41	DH71100301	Ngô Thị	Yến	D11_TC01							8.25	6.87		5.71	6.26		5.71	6.15	6.46	107	42	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/09/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH71100343	Võ Thị Thanh	An	D11_TC02							8.25	7.83		7.47	7.76		8.00	6.96	7.71	112	44	BT					
2	DH71100344	Sái Bá Vương	Anh	D11_TC02							7.50	7.61		7.00	8.00		8.00	7.36	7.58	115	45	BT					
3	DH71100382	Nguyễn Chí	Cường	D11_TC02							6.08	4.70	7.00	5.28	4.21	1.00	0.29	0.20	3.33	46	19	CCHV_2	Nợ HP	Ko_ĐKMH	BTD (Ko_ĐKMH+CCHV_2)	ĐC_HP	Ko_ĐKMH
4	DH71100384	Nguyễn Tấn	Duy	D11_TC02							7.33	6.70		6.88	6.72		8.00	7.44	7.34	115	45	BT					
5	DH71100348	Nguyễn Thành	Đạt	D11_TC02							6.92	7.17	8.00	7.24	7.63		6.68	7.28	7.24	115	45	BT					
6	DH71100385	Trương Vinh	Đạt	D11_TC02							7.92	7.96		7.82	7.74		7.95	8.16	7.94	115	45	BT					
7	DH71100386	Nguyễn Thị	Đặng	D11_TC02							7.67	7.65		7.53	8.37		8.32	8.08	7.96	115	45	BT					
8	DH71100309	Nguyễn Loan	Hà	D11_TC02							7.50	8.00		6.41	7.37		7.37	8.12	7.53	115	45	BT					
9	DH71100392	Mai Hồng	Hạnh	D11_TC02							6.58	7.17	6.00	6.76	7.32		7.32	7.45	7.21	115	45	BT					
10	DH71100388	Phùng Thanh	Hằng	D11_TC02							6.75	6.65		6.65	6.71		6.26	6.68	6.66	115	45	BT					
11	DH71100390	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	D11_TC02							7.08	6.52		6.32	7.36		6.42	7.05	6.92	115	45	BT					
12	DH71100312	Ngô Tuấn	Kiệt	D11_TC02							8.17	8.13		7.47	6.89		7.21	7.72	7.59	115	45	BT					
13	DH71100398	Nguyễn Lý Phương	Mai	D11_TC02							7.75	7.04		6.41	7.48		6.89	7.52	7.23	115	45	BT					
14	DH71100318	Vũ Minh	Nhật	D11_TC02							7.50	6.83		5.76	6.16	6.00	6.74	7.20	6.75	115	45	BT					
15	DH71100402	Dương Lương Thảo	Nhi	D11_TC02							5.50	5.57		5.65	5.41	2.00		5.00	5.80	73	29	BT					
16	DH71100363	Nguyễn Thị	Nhi	D11_TC02							7.75	7.52		6.82	7.63		7.21	7.44	7.39	115	45	BT					
17	DH71100404	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D11_TC02							7.58	7.30		6.82	6.84		7.95	7.68	7.47	115	45	BT					
18	DH71100364	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	D11_TC02							7.33	7.30		7.76	7.33		7.37	7.04	7.39	115	45	BT					
19	DH71100399	Hồ Thiện	Như	D11_TC02							7.33	7.13		6.82	6.57		6.71	7.24	7.06	115	45	BT					
20	DH71100362	Thiều Bảo	Như	D11_TC02							7.92	6.96		6.59	6.86		6.89	6.40	6.90	110	43	BT					
21	DH71100400	Võ Quỳnh	Như	D11_TC02							7.83	7.78		7.29	8.21		7.53	7.12	7.60	112	44	BT					
22	DH71100323	Nguyễn Lê Bạch	Phương	D11_TC02							6.83	6.43		6.35	6.37		6.11	6.64	6.44	112	44	BT					
23	DH71100324	Phạm Nguyễn Băng	Phương	D11_TC02							6.33	5.57		4.45	5.00	6.00	5.25	5.79	5.70	104	41	BT					
24	DH71100407	Hồ Thị Diệu	Quỳnh	D11_TC02							6.42	5.13		4.26	4.22	2.60	4.89	4.34	5.19	71	29	BT					
25	DH71100408	Nguyễn Hoàng	Sang	D11_TC02							7.83	6.74		5.41	6.48	5.00	5.67	6.00	6.43	107	42	BT					
26	DH71100333	Lê Thiên	Thanh	D11_TC02							7.00	6.39		5.76	6.21		5.32	5.68	6.00	104	41	BT					
27	DH71100413	Nguyễn Nhật	Thiện	D11_TC02							7.00	7.22		6.53	7.79		6.74	7.68	7.21	115	45	BT					
28	DH71100334	Phạm Nguyễn Minh	Thủy	D11_TC02							6.67	6.48		5.94	6.00		6.29	5.44	6.12	104	41	BT					
29	DH71100335	Huỳnh Thanh	Thủy	D11_TC02							8.42	8.39		7.76	8.53		7.84	7.76	8.10	115	45	BT					
30	DH71100414	Nguyễn Thị	Thủy	D11_TC02							6.08	6.00		5.35	5.09	5.00	5.86	5.38	5.88	104	41	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH71100372	Nguyễn Anh	Thư	D11_TC02							7.33	6.26		5.76	5.91	7.00	6.74	6.81	6.70	115	45	BT					
32	DH71100329	Trần Lê Minh	Thư	D11_TC02							7.00	3.91		6.35	5.19	5.00	5.79	5.64	5.77	98	39	BT					
33	DH71100339	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	D11_TC02							6.42	5.43	6.00	5.88	5.90		6.11	6.11	6.10	100	39	BT					
34	DH71100378	Trần Thị Ngọc	Trâm	D11_TC02							8.33	7.78		7.88	8.26		8.00	7.20	7.84	115	45	BT					
35	DH71100380	Mai Kiều Nguyệt	Trinh	D11_TC02							7.75	7.17		6.59	7.57		6.90	7.68	7.39	115	45	BT					
36	DH71100381	Giang Nguyễn Thanh	Tuyền	D11_TC02							8.42	8.17		8.24	7.89		7.84	8.04	8.08	115	45	BT					
37	DH71100341	Nguyễn Thị Thanh	Vi	D11_TC02							7.75	7.83		7.59	8.11		7.68	8.40	7.93	115	45	BT					
38	DH71100420	Trần Lê Thanh	Vy	D11_TC02							8.25	8.04		8.12	7.89		7.79	7.96	7.99	115	45	BT					
39	DH71100421	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	D11_TC02							7.58	7.52		7.18	8.21		8.26	8.40	7.90	115	45	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_XD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH81100422	Hồ Thanh	Bình	D11_XD01							8.13	7.17		6.53	6.86		7.11	7.21	7.15	108	55	BT					
2	DH81100426	Nguyễn Văn	Dũng	D11_XD01							5.60	5.78	9.00	7.20	6.59		6.67	6.80	6.94	106	54	BT					
3	DH81100427	Nguyễn Thanh	Duy	D11_XD01							4.53	4.44	5.40	4.47	4.88	5.00	4.57	4.24	4.98	71	35	BT					
4	DH81100428	Thới Hoàng	Duy	D11_XD01							8.13	8.22		7.93	7.45		7.95	7.84	7.90	108	55	BT					
5	DH81100430	Đinh Quang	Đại	D11_XD01							5.60	5.56	4.00	5.33	4.59	5.00	4.47	4.78	5.29	81	40	BT					
6	DH81100429	Võ Bình	Đẳng	D11_XD01							7.67	8.22	7.00	7.73	7.55		7.84	7.47	7.88	108	55	BT					
7	DH81100432	Đỗ Kiến	Hiếu	D11_XD01							7.07	7.33		6.53	6.46	9.00	6.59	6.52	6.94	106	54	BT					
8	DH81100433	Đào Duy	Hưng	D11_XD01							4.07	5.72	0.00	6.06	4.79	5.86	4.63	4.72	5.28	67	34	BT					
9	DH81100435	Nguyễn An	Khang	D11_XD01							3.67	2.67	0.00	2.75	1.81	3.29	2.29	0.83	2.56	21	10	BTH			Buộc thôi học		
10	DH81100436	Nguyễn Văn	Lắm	D11_XD01							5.13	5.33	3.80	4.44	4.68	4.67	4.00	3.84	5.05	63	31	BT					
11	DH81100437	Vũ Đức	Linh	D11_XD01							5.67	0.56	6.00	4.56	1.75	4.80	1.05	0.17	2.38	28	15	BTH			Buộc thôi học		
12	DH81100438	Bùi Văn	Lực	D11_XD01							6.00	5.50	8.60	7.60	7.23		7.26	7.58	7.10	108	55	BT					
13	DH81101915	Nguyễn Thị	Mai	D11_XD01							8.07	8.00		7.87	6.68		7.63	7.32	7.54	106	54	BT					
14	DH81100439	Nguyễn Gia Thế	Minh	D11_XD01							6.60	5.83		7.67	6.86		7.21	7.42	7.00	108	55	BT					
15	DH81100440	Nguyễn Công	Nghĩa	D11_XD01							6.93	7.33		7.53	7.00		8.00	7.53	7.39	108	55	BT					
16	DH81101956	Nguyễn Thành	Phi	D11_XD01							7.22	8.83	9.00	8.00	7.82		8.16	8.37	8.23	111	56	BT					
17	DH81100442	Nguyễn Quang	Phú	D11_XD01							5.20	5.06		5.45	4.46	5.00	4.29	4.40	5.00	74	37	BT					
18	DH81100441	Nguyễn Duy	Phương	D11_XD01							5.93	5.00		5.85	5.42	5.00	4.53	4.04	5.44	83	41	BT					
19	DH81100443	Phạm Đình	Quí	D11_XD01							7.33	7.11		8.60	7.32		7.74	8.16	7.72	108	55	BT					
20	DH81100444	Trần Bá	Sang	D11_XD01							5.00	6.83	7.43	6.20	5.91		7.11	6.43	6.79	104	53	BT					
21	DH81100162	Nguyễn Phạm Bảo	Tân	D11_XD01							6.33	4.72	0.00	5.13	5.48	6.00	5.30	5.43	5.67	88	45	BT					
22	DH81100447	Hồ Văn	Thành	D11_XD01							6.73	7.33	7.00	6.53	6.14	9.00	7.21	6.13	6.98	103	52	BT					
23	DH81101896	Lưu Hữu	Thành	D11_XD01							7.13	6.50		7.73	7.52		7.68	8.00	7.60	108	55	BT					
24	DH81100449	Phạm Hoàng	Thắng	D11_XD01							6.33	6.67	7.50	7.20	6.14	8.00	6.71	6.47	6.78	106	54	BT					
25	DH81100446	Nguyễn Hoàng	Thông	D11_XD01							5.27	5.28		4.55	4.18	2.50	4.63	2.52	4.60	70	34	CCHV_1			CCHV_1		
26	DH81100453	Trương Công	Trí	D11_XD01							7.40	6.83		6.73	6.80		7.05	7.26	7.16	108	55	BT					
27	DH81100452	Trần Quốc	Trung	D11_XD01							4.80	4.00	0.00	4.56	4.73	3.71	1.26	0.00	3.65	45	23	CCHV_2		Ko_ĐKMH	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV_2]		Ko_ĐKMH
28	DH81100454	Nguyễn Lê Cảnh	Tuấn	D11_XD01							5.53	4.06		5.60	5.42	6.00	5.33	4.60	5.46	81	41	BT					
29	DH81100455	Nguyễn Quốc	Tuấn	D11_XD01							4.33	4.89	0.00	4.41	4.41	4.57	4.78	5.52	5.33	76	39	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_XD01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
30	DH81100456	Phan Trần Anh	Văn	D11_XD01							4.60	4.78	0.00	6.11	3.21	5.00	2.74	0.56	4.54	47	23	CCHV_2			CCHV_2		

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD (Ko_ĐKMH)	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD (Ko_ĐKMH+CCHV)	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB (Ko_ĐKMH)	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_XD02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH81100457	Đinh Văn	Cường	D11_XD02							6.60	6.17	9.00	6.07	6.04	8.00	5.94	6.12	6.47	96	49	BT					
2	DH81101869	Nguyễn Duy	Cường	D11_XD02							6.40	5.94		5.93	5.83	7.50	6.74	5.81	6.39	104	52	BT					
3	DH81100459	Lâm	Duy	D11_XD02							5.00	5.44	5.40	6.00	5.54	8.00	6.45	5.60	6.13	95	49	BT					
4	DH81100460	Lê Quang	Đạt	D11_XD02							6.67	4.56		4.82	4.96		5.36	4.03	5.41	75	37	BT					
5	DH81100462	Lê Văn Hải	Hậu	D11_XD02							6.33	5.67	8.00	5.80	5.48	6.00	6.29	5.96	6.20	97	49	BT					
6	DH81101933	Nguyễn Hoàng	Hậu	D11_XD02							7.07	6.67		6.13	6.41	9.00	6.37	6.79	6.66	106	54	BT					
7	DH81100466	Hoàng Văn	Hòa	D11_XD02							7.20	8.33		7.07	6.77		8.11	8.37	7.69	108	55	BT					
8	DH81100464	Nguyễn Cao	Hoài	D11_XD02							5.33	4.67		5.78	5.38	5.67	5.42	6.24	5.92	90	47	BT					
9	DH81100465	Đỗ Công	Hoan	D11_XD02							7.07	7.22		7.53	6.73		7.47	7.63	7.30	105	54	BT					
10	DH81100463	Nguyễn Văn	Hùng	D11_XD02							7.07	6.39		6.73	5.92		5.48	4.73	6.18	94	48	BT					
11	DH81100467	Nguyễn Quang	Huy	D11_XD02							5.07	5.33	8.00	5.47	4.88	6.50	4.00	4.03	5.25	79	39	BT					
12	DH81100469	Nguyễn Ngọc	Khang	D11_XD02							6.93	6.50		6.47	6.09	9.00	6.21	6.26	6.47	107	54	BT					
13	DH81100468	Võ Ngọc	Khánh	D11_XD02							7.47	6.72		6.80	7.08		7.38	7.32	7.27	106	54	BT					
14	DH81100470	Võ Đình Đăng	Khoa	D11_XD02							6.33	4.89		5.76	5.22	5.67	5.82	0.17	4.97	73	37	CCHV_1	Nợ HP	Ko_ĐKMH	BTĐ [Ko_ĐKMH+CCHV_1]	ĐC_HP	Ko_ĐKMH
15	DH81100471	Nguyễn Thành	Kim	D11_XD02							7.13	6.50		6.87	6.36	9.00	6.41	6.42	6.72	106	54	BT					
16	DH81100472	Lại Nhật	Minh	D11_XD02							6.27	5.56	9.00	5.40	5.15	6.00	6.04	5.57	6.16	105	53	BT					
17	DH81100474	Đỗ Đình	Nghĩa	D11_XD02							4.87	6.22	0.00	5.60	5.12	4.29	4.68	4.65	5.42	74	39	BT					
18	DH81100475	Nguyễn Thanh Thảnh	Nhựt	D11_XD02							6.33	5.61		5.71	5.63	7.00	5.37	5.27	6.10	92	46	BT					
19	DH81100476	Nguyễn Đức Minh	Quân	D11_XD02							6.80	5.22		5.73	5.83		5.90	5.68	6.16	93	47	BT					
20	DH81100477	Châu Hoàng Ngọc	Sơn	D11_XD02							5.27	5.50	6.80	6.00	5.00	4.00	4.32	4.32	5.37	80	39	BT					
21	DH81100478	Nguyễn Văn	Sơn	D11_XD02							6.67	6.94		7.53	6.73		6.65	6.68	6.85	106	54	BT					
22	DH81100479	Phan Đình	Tân	D11_XD02							7.13	6.89		6.06	6.21		6.11	6.42	6.60	101	52	BT					
23	DH81101938	Võ Minh	Tân	D11_XD02							6.07	4.83	9.00	5.87	5.17	5.50	5.05	3.81	5.43	78	39	BT					
24	DH81100480	Nguyễn Thành	Tấn	D11_XD02							4.93	3.61	4.80	5.33	4.69	5.00	4.86	2.24	4.54	57	29	CCHV_1			CCHV_1		
25	DH81100481	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D11_XD02							6.73	5.11	9.00	7.00	5.65	6.00	7.00	6.14	6.69	103	53	BT					
26	DH81100484	Nguyễn Phúc	Thịnh	D11_XD02							6.20	5.94	7.00	6.47	6.00	6.00	6.63	6.83	6.66	105	54	BT					
27	DH81100485	Huỳnh Hải	Triều	D11_XD02							4.93	4.78		3.75	4.63	4.14	4.70	5.14	5.30	75	39	BT					
28	DH81100486	Trần Quốc	Trung	D11_XD02							4.67	5.33	5.80	4.88	4.68	5.00	5.04	5.00	5.52	88	44	BT					
29	DH81100487	Nguyễn Anh	Tuấn	D11_XD02							6.60	4.33		5.13	4.04	5.50	4.38	3.43	4.92	66	33	BT					
30	DH81100490	Nguyễn Quang	Việt	D11_XD02							5.40	4.94		6.00	4.67	9.00	5.89	5.64	5.75	89	46	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_XD02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
				091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
31	DH81100491	Phùng Lương Phương Vy	D11_XD02							7.20	8.11		8.20	7.00		7.32	7.84	7.58	108	55	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**
- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO THẢO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT1TD

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH91100494	Mai Kim	Định	D11_MT1TD							6.78	7.41		5.74	6.43	6.00	7.53	6.63	6.88	113	43	BT					
2	DH91101875	Phạm Bích	Hạ	D11_MT1TD							7.00	6.27		6.61	6.24		7.00	6.35	6.70	115	44	BT					
3	DH91100664	Nguyễn Ngọc	Huy	D11_MT1TD							6.50	6.77		5.96	0.90		3.21	3.26	4.70	79	29	BT					
4	DH91100586	Trương Lê Bảo	Khuyên	D11_MT1TD							6.83	7.59		6.77	6.90		6.94	6.64	6.97	114	43	BT					
5	DH91100626	Vương Tấn	Kiệt	D11_MT1TD							7.78	7.95		7.00	6.76		6.94	6.21	7.16	115	44	BT					
6	DH91100669	Bùi Thị Thảo	Nguyên	D11_MT1TD							7.06	7.59		6.43	6.76		7.58	6.50	7.10	115	44	BT					
7	DH91100672	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	D11_MT1TD							6.39	7.41		7.08	6.67		7.88	6.75	7.18	115	44	BT					
8	DH91100640	Nguyễn Thị	Thủy	D11_MT1TD							7.00	7.14		6.35	6.71		7.10	6.29	6.87	115	44	BT					
9	DH91100645	Nguyễn Nhật	Trường	D11_MT1TD							6.44	7.27		6.50	6.52		6.88	6.43	6.76	111	42	BT					
10	DH91100609	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D11_MT1TD							7.17	7.32		6.74	6.43		6.88	6.71	6.88	115	44	BT					
11	DH91100689	Huỳnh Thanh	Vân	D11_MT1TD							6.83	8.14		6.70	6.43		6.05	6.64	6.95	113	43	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Quí ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP.HCM, Ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT2TT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH91100533	Mai Thị Tiên	An	D11_MT2TT							8.11	7.14		7.00	7.10		8.53	6.71	7.39	113	43	BT					
2	DH91100620	Lương Thùy Linh	Chi	D11_MT2TT							6.61	7.36		6.17	5.76		7.28	6.21	6.92	111	42	BT					
3	DH91100539	Phan Thị Kiều	Diễm	D11_MT2TT							7.22	8.14		7.13	7.19		8.20	7.00	7.53	113	43	BT					
4	DH91100543	Nguyễn Thanh	Hằng	D11_MT2TT							6.72	7.55		7.61	6.48		8.20	7.43	7.30	113	43	BT					
5	DH91101890	Võ Thị	Lý	D11_MT2TT							6.89	7.91		7.00	7.00		6.56	5.64	6.99	107	40	BT					
6	DH91100599	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	D11_MT2TT							6.83	7.50		7.00	6.81		7.28	5.81	6.97	112	42	BT					
7	DH91100600	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D11_MT2TT							6.61	7.32		6.62	6.33		7.11	6.37	7.19	112	42	BT					
8	DH91100671	Nguyễn Trang Thảo	Nhi	D11_MT2TT							7.28	7.14		6.04	5.19		7.12	5.95	6.68	104	39	BT					
9	DH91100602	Trần Lê Thiện ái Bảo	Phương	D11_MT2TT							3.50	4.86		4.58	6.33		5.90	3.89	5.67	90	33	BT					
10	DH91100673	Nguyễn Kim	Phượng	D11_MT2TT							7.39	7.45		6.17	5.71			3.86	6.26	88	32	BT					
11	DH91100559	Phạm Thị Minh	Thư	D11_MT2TT							5.89	7.09		7.13	7.10		7.43	7.00	7.18	113	43	BT					
12	DH91100683	Trần Ngọc Thùy	Trang	D11_MT2TT							6.28	6.82		6.29	6.38		7.71	6.50	6.77	113	43	BT					
13	DH91100643	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D11_MT2TT							4.72	5.95		5.75	3.88		5.04	4.70	5.46	87	32	BT					
14	DH91100688	Nguyễn Thanh	Tuyền	D11_MT2TT							6.22	7.41		6.31	5.05		7.32	7.05	6.88	112	41	BT					
15	DH91100648	Bùi Kim	Uyên	D11_MT2TT							6.78	7.23		6.91	6.90		7.50	6.71	7.04	110	41	BT					
16	DH91012318	Lý Hoàng Thúy	Vi	D11_MT2TT							7.56	7.50		4.12			2.57	6.68	6.36	72	27	BT					
17	DH91100610	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D11_MT2TT							3.94				7.05	8.00	7.27	7.00	6.46	76	28	BT					
18	DH91100613	Nguyễn Thị Kim	Yến	D11_MT2TT							6.06	7.00		6.80	6.50		7.44	6.65	6.93	116	44	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_DKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_DKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH91100492	Hồ Ngọc	Anh	D11_MT3DH							7.50	8.23		7.48	7.24		8.24	7.43	7.69	115	44	BT					
2	DH91100574	Nguyễn Hoàng	Anh	D11_MT3DH							7.17	7.09		6.04	7.19		7.61	6.79	7.03	115	44	BT					
3	DH91100536	Nguyễn Thế	Bảo	D11_MT3DH							6.61	7.55		6.52	7.57		7.90	6.86	7.37	115	44	BT					
4	DH91100655	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm	D11_MT3DH							5.50	7.50		6.57	5.90		7.18	6.00	6.48	112	43	BT					
5	DH91100619	Đoàn Huỳnh Dao	Chi	D11_MT3DH							8.06	7.95		7.04	7.57		7.71	7.43	7.62	115	44	BT					
6	DH91100577	Nguyễn Thị	Dung	D11_MT3DH							6.83	7.23		6.57	7.05		8.00	7.00	7.09	113	43	BT					
7	DH91100579	Trần Thùy	Dung	D11_MT3DH							6.33	6.95		5.57	5.10		6.45	4.64	6.02	97	36	BT					
8	DH91100580	Phạm Đức	Duy	D11_MT3DH							7.28	6.77		6.74	6.62		7.47	6.93	6.94	115	44	BT					
9	DH91100576	Quan Triển	Dương	D11_MT3DH							7.33	7.09		7.22	6.24		6.65	6.86	6.90	111	42	BT					
10	DH91100542	Nguyễn Hoàngphương	Giao	D11_MT3DH							7.22	7.55		6.35	6.52		5.18	6.64	6.61	111	42	BT					
11	DH91100544	Võ Trần An	Hạ	D11_MT3DH							8.17	6.59		6.91	6.81		7.53	7.53	7.34	113	43	BT					
12	DH91100624	Nguyễn Minh	Hải	D11_MT3DH							5.44	6.68		5.61	5.05		3.52	2.64	5.10	93	34	CCHV_1			CCHV_1		
13	DH91100495	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	D11_MT3DH							8.00	7.41		7.35	7.38		8.18	8.07	7.68	115	44	BT					
14	DH91100662	Nguyễn Văn Bảo	Hoàng	D11_MT3DH							6.44	7.82		6.30	3.57		4.58	0.00	5.14	85	31	CCHV_1	Nợ HP		CCHV_1	ĐC_HP	
15	DH91100583	Hồ Nguyễn Minh	Huy	D11_MT3DH							7.11	7.23		6.74	7.29		8.00	7.07	7.32	115	44	BT					
16	DH91100498	Nguyễn Nhật	Huy	D11_MT3DH							6.33	6.82		5.61	6.67		4.16	4.93	5.85	105	39	BT					
17	DH91100584	Bùi Kim	Huyên	D11_MT3DH							6.83	6.68		6.30	7.38		7.37	6.79	6.93	115	44	BT					
18	DH91100665	Bùi Thị Thanh	Huyền	D11_MT3DH							8.06	8.27		7.35	6.95		7.94	7.50	7.67	115	44	BT					
19	DH91100587	Trịnh Thị Ngọc	Liên	D11_MT3DH							4.78	6.50		4.92	5.56		5.57	4.93	5.93	89	33	BT					
20	DH91100589	Mai Trúc	Linh	D11_MT3DH							7.61	8.27		6.65	7.48		8.29	7.64	7.63	115	44	BT					
21	DH91100502	Phan Ngọc Tường	Linh	D11_MT3DH							7.50	7.77		7.17	7.62		8.12	7.29	7.57	115	44	BT					
22	DH91100590	Phan Thúy	Loan	D11_MT3DH							6.72	6.45		5.83	4.95		5.68	5.61	6.10	105	40	BT					
23	DH91100591	Trần Đậu Ngọc	Ly	D11_MT3DH							7.06	7.68		6.83	7.52		7.42	6.36	7.24	113	43	BT					
24	DH91100550	Lê Kiều	My	D11_MT3DH							7.17	7.68		5.87	6.10		6.59	5.93	6.57	110	42	BT					
25	DH91100630	Lâm Phi	Nga	D11_MT3DH							7.89	7.00		6.43	7.48		7.60	7.43	7.43	115	44	BT					
26	DH91100668	Trương Thị Kiều	Nga	D11_MT3DH							7.78	7.14		7.00	6.81		7.00	6.79	7.09	115	44	BT					
27	DH91100629	Trần Thị Kim	Ngân	D11_MT3DH							7.83	8.00		7.48	7.10		7.71	7.25	7.63	115	44	BT					
28	DH91100551	Chung Văn	Ngọc	D11_MT3DH							6.56	7.14		5.43	6.43		5.70	5.50	6.37	104	39	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
29	DH91100597	Mai Xuân	Ngọc	D11_MT3DH							5.06	6.27		5.30	4.81		5.92	5.50	5.96	99	36	BT					
30	DH91100552	Nguyễn Thị ý	Nguyện	D11_MT3DH							6.56	6.68		5.26	3.71		5.77	6.06	5.88	107	41	BT					
31	DH91100670	Đỗ Mộng	Nhi	D11_MT3DH							8.22	7.77		6.96	7.67		7.35	7.50	7.57	115	44	BT					
32	DH91100509	Võ Thị	Phúc	D11_MT3DH							7.17	7.18		7.00	7.62		8.29	7.29	7.40	115	44	BT					
33	DH91100510	Hán Nhật	Quang	D11_MT3DH							6.89	6.45		5.83	6.12		3.12	5.31	5.82	101	38	BT					
34	DH91100604	Đặng Trần Khánh	Quỳnh	D11_MT3DH							7.22	7.73		7.17	7.29		6.95	7.21	7.36	115	44	BT					
35	DH91100634	Chung Tấn	Tâm	D11_MT3DH							7.00	7.32		6.70	7.19		7.12	7.29	7.09	115	44	BT					
36	DH91100512	Nguyễn Châu	Tân	D11_MT3DH							8.11	7.82		7.39	7.43		7.35	6.71	7.50	113	43	BT					
37	DH91100638	Phan Thanh	Thảo	D11_MT3DH							5.61	4.82		5.67	4.44		4.80	4.00	5.30	80	31	BT					
38	DH91100677	Nguyễn Kim	Thọ	D11_MT3DH							6.83	7.00		6.40	5.58		6.63	2.94	6.17	103	38	CCHV_1			CCHV_1		
39	DH91100563	Bùi Thọ	Thuận	D11_MT3DH							6.06	6.82		5.96	5.52		6.85	6.61	6.45	115	44	BT					
40	DH91100679	Ngô Thị Thanh	Thủy	D11_MT3DH							6.17	7.00		7.04	6.48		7.76	7.07	6.90	115	44	BT					
41	DH91100560	Trần Nguyễn Anh	Thư	D11_MT3DH							5.22	5.73		5.48	5.33		6.26	5.83	6.03	102	39	BT					
42	DH91100516	Nguyễn Hoài	Thương	D11_MT3DH							6.28	5.59		3.13	5.61		5.76	5.41	5.70	99	38	BT					
43	DH91100680	Nguyễn Thủy	Tiên	D11_MT3DH							7.83	7.95		7.70	7.52		7.76	7.57	7.73	115	44	BT					
44	DH91100687	Nguyễn Dũng	Trí	D11_MT3DH							6.61	7.05		6.74	7.10		7.06	6.64	6.88	115	44	BT					
45	DH91100569	Trần Minh	Triết	D11_MT3DH							7.06	7.41		6.85	7.10		5.86	5.71	6.74	109	41	BT					
46	DH91100647	Trần Mai Nhã	Trúc	D11_MT3DH							5.22	7.27		6.71	6.32		6.70	5.00	6.45	105	39	BT					
47	DH91100681	Nguyễn Đình	Tùng	D11_MT3DH							8.22	8.27		7.13	7.52		7.65	7.86	7.76	115	44	BT					
48	DH91100530	Trương Ngọc Lam	Tuyền	D11_MT3DH							4.06	7.18		3.39	5.06		3.39	3.64	4.73	78	30	BT					
49	DH91100649	Lê Đình Phương	Uyên	D11_MT3DH							6.67	7.41		6.52	6.76		7.12	6.86	6.89	112	42	BT					
50	DH91100650	Nguyễn Trần Hoàng	Uyên	D11_MT3DH							4.67	6.59		6.25	6.21		7.00	6.63	6.44	111	42	BT					
51	DH91100611	Đặng Quang	Vinh	D11_MT3DH							6.89	7.32		7.04	6.67		7.94	7.50	7.19	113	43	BT					
52	DH91100652	Thiều Thanh	Xuân	D11_MT3DH							6.28	7.59		6.57	6.90		6.70	6.29	6.83	112	43	BT					
53	DH91100612	Lưu Gia	Yến	D11_MT3DH							6.56	6.68		7.35	7.33		7.71	3.21	6.64	101	38	BT		TD	Xin tạm dừng		

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/03/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước : Nợ HP — Nợ học phí

Ko_DKMH — Không đăng ký môn học

CB_BTH — Cảnh báo buộc thôi học

BTD [Ko_DKMH] — Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
				091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH

CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_DKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_DKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
1	DH91100615	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	D11_MT4NT							7.39	7.36		6.96	6.57		6.33	6.93	6.95	109	41	BT					
2	DH91100616	Lê Trâm	Anh	D11_MT4NT							6.00	6.77		4.47	5.71		5.23	5.12	6.07	91	33	BT					
3	DH91100614	Nguyễn Hải	Âu	D11_MT4NT							6.56	7.68		7.13	5.95		5.18	4.43	6.35	100	37	BT					
4	DH91101978	Huỳnh Lê	Bảo	D11_MT4NT							7.00	6.68		6.61	5.57		6.21	5.65	6.48	107	40	BT					
5	DH91100537	Lê Bảo	Châu	D11_MT4NT							5.83	6.59		6.00	4.57		6.88	5.89	6.08	102	39	BT					
6	DH91100618	Lương Vũ Quốc	Cường	D11_MT4NT							5.50	7.50		6.77	5.29		6.82	6.00	6.56	113	43	BT					
7	DH91100656	Nguyễn Ngọc	Dung	D11_MT4NT							6.94	7.00		7.70	5.48		6.53	6.78	6.95	109	41	BT					
8	DH91100578	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	D11_MT4NT							6.06	6.95		7.04	4.38		5.33	6.20	6.35	104	39	BT					
9	DH91100657	Đỗ Hiếu	Duy	D11_MT4NT							4.00	1.50		2.18	0.67		5.40	4.35	3.07	47	17	CB_BTH2			CB_BTH2		
10	DH91100621	Võ Anh	Duy	D11_MT4NT							7.72	7.82		7.48	6.71		6.73	7.86	7.39	113	43	BT					
11	DH91101930	Phạm Thị Thu	Đông	D11_MT4NT							7.56	7.41		1.17	6.10		7.68	5.79	6.22	92	34	BT					
12	DH91100493	Đỗ Trung	Đức	D11_MT4NT							8.00	8.14		7.65	7.24		7.60	7.44	7.75	113	43	BT					
13	DH91100623	Đậu Nữ Thu	Hà	D11_MT4NT							7.06	8.00		7.39	6.95		7.67	6.53	7.54	108	40	BT					
14	DH91100581	Huỳnh Phi	Hạ	D11_MT4NT							7.94	7.55		7.48	5.71		7.67	6.13	7.30	109	41	BT					
15	DH91100546	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D11_MT4NT							7.22	7.95		7.09	6.24		5.80	5.69	6.81	105	39	BT					
16	DH91100663	Nguyễn Minh	Hoan	D11_MT4NT							7.00	7.14		6.91	6.29		6.94	5.77	6.91	111	42	BT					
17	DH91100582	Thiên Diệu	Hoàng	D11_MT4NT							7.22	7.32		7.30	4.19		6.40	6.79	6.81	103	39	BT					
18	DH91100660	Nguyễn Quang Xuân	Hồng	D11_MT4NT							6.33	7.14		7.22	6.95		6.65	7.00	7.01	111	42	BT					
19	DH91100661	Trần Thị Phương	Hồng	D11_MT4NT							6.72	7.55		5.88	5.19		5.19	3.63	5.96	99	36	BT					
20	DH91100496	Phan Phi	Hùng	D11_MT4NT							7.17	6.18		6.61	6.52		5.53	6.26	6.53	105	40	BT					
21	DH91100659	Lê Mỹ Duy	Hữu	D11_MT4NT							3.17	6.14		4.88	4.54		3.67	2.81	4.71	84	31	CCHV_1			CCHV_1		
22	DH91100585	Phạm Hoàng	Kha	D11_MT4NT							5.17	5.55		6.65	4.05		3.35	4.06	5.20	76	27	BT					
23	DH91100501	Trần Hoài	Kha	D11_MT4NT							6.39	5.91		6.15	5.29		6.05	6.00	6.17	100	38	BT					
24	DH91001769	Phạm Huy	Khiêm	D11_MT4NT				5.94	6.50		4.48	4.63		4.12	2.60			3.29	5.15	80	30	BT		Ko_DKMH	BTD (Ko_DKMH)		Ko_DKMH
25	DH91100666	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D11_MT4NT							5.83	6.86		6.88	5.86		6.94	6.38	6.64	113	43	BT					
26	DH91100504	Phạm Hoài	Long	D11_MT4NT							7.00	5.86		5.75	2.96		5.82	4.36	5.69	91	35	BT					
27	DH91100588	Ngô Thành	Lợi	D11_MT4NT							7.11	6.82		7.35	5.38			4.63	6.43	92	34	BT					
28	DH91100627	Nguyễn Thành	Luân	D11_MT4NT							7.39	7.23		7.52	6.38		6.67	7.06	7.14	111	42	BT					
29	DH91100592	Trần Thị Mi	Mi	D11_MT4NT							6.50	6.95		6.65	5.81		4.83	5.81	6.38	104	39	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
30	DH91100628	Phan Thị Ngọc	Minh	D11_MT4NT							7.56	7.23		7.04	6.19		7.65	6.71	7.22	113	43	BT					
31	DH91100593	Võ Thị Dũng	Minh	D11_MT4NT							6.56	7.55		6.61	5.71		5.00	6.50	6.54	103	39	BT					
32	DH91100594	Tạ Hồng	Mỹ	D11_MT4NT							6.67	7.86		7.09	6.38		7.12	6.79	7.08	113	43	BT					
33	DH91100505	Cao Văn	Nam	D11_MT4NT							7.50	7.14		7.22	6.81		7.80	7.57	7.29	113	43	BT					
34	DH91100667	Nguyễn Hải	Nam	D11_MT4NT							6.78	5.45		6.65	5.43		4.87	5.26	5.94	101	38	BT					
35	DH91100595	Nguyễn Hoài	Nam	D11_MT4NT							7.28	6.55		6.35	5.57		5.73	6.00	6.27	107	40	BT					
36	DH91100596	Nguyễn Thị Yến	Ngân	D11_MT4NT							6.39	7.23		6.70	5.19		4.00	4.88	6.03	95	34	BT					
37	DH91100631	Trương Quang	Nghi	D11_MT4NT							6.44	7.50		6.74	4.62		6.59	5.23	6.49	106	39	BT					
38	DH91100506	Đỗ Khoa	Nguyên	D11_MT4NT							4.94	6.14		6.57	5.81		6.59	4.44	5.96	96	36	BT					
39	DH91100507	Hàn Quốc	Nguyên	D11_MT4NT							6.94	6.77		6.43	5.57		6.24	5.50	6.40	106	40	BT					
40	DH91100553	Lê Minh	Nhật	D11_MT4NT							7.17	6.73		6.74	5.67		4.06	5.06	6.13	98	37	BT					
41	DH91100508	Trương Thị Y	Pha	D11_MT4NT							7.11	7.95		7.48	7.10		8.27	6.31	7.44	109	41	BT					
42	DH91100555	Từ Hoàng	Phi	D11_MT4NT							5.72	6.82		7.35	6.95		8.11	6.21	7.09	111	42	BT					
43	DH91100603	Lâm Thị	Phúc	D11_MT4NT							5.78	6.64		6.84	6.10		6.22	5.57	6.46	105	40	BT					
44	DH91100674	Trần Hồng	Phúc	D11_MT4NT							7.33	6.82		5.70	4.10		5.44	2.90	5.80	87	31	CCHV_1			CCHV_1		
45	DH91100632	Chu Hoàng Mai	Phương	D11_MT4NT							7.22	7.50		7.26	6.19		7.33	5.86	6.94	108	41	BT					
46	DH91100554	Lê Vũ Lan	Phương	D11_MT4NT							6.72	7.55		6.83	5.90		7.24	6.00	6.88	111	42	BT					
47	DH91101898	Hoàng Hữu	Quang	D11_MT4NT							5.11	6.82		6.91	4.38		3.94	4.63	5.59	88	33	BT					
48	DH91100557	Đỗ Ngọc	Quý	D11_MT4NT							3.83	4.73		5.44	4.37		5.95	3.96	5.41	81	30	BT					
49	DH91100633	Ngô Văn	Sơn	D11_MT4NT							7.89	7.82		7.83	6.48		8.33	7.00	7.55	111	42	BT					
50	DH91100513	Huỳnh Võ Minh	Tài	D11_MT4NT							7.06	7.09		6.60	7.00		7.00	6.81	7.04	109	41	BT					
51	DH91100605	Nguyễn Ngọc	Tân	D11_MT4NT							6.67	7.27		6.83	6.90		7.13	6.64	6.92	111	42	BT					
52	DH91100678	Lương Văn	Thanh	D11_MT4NT							7.11	6.41		6.46	4.24		2.80	4.29	5.66	93	33	BT					
53	DH91100637	Đặng Võ Nhâm	Thân	D11_MT4NT							7.00	7.36		7.52	7.29		8.07	6.79	7.35	113	43	BT					
54	DH91100639	Nguyễn Hoàng	Thiên	D11_MT4NT							6.72	7.50		7.91	6.45		7.06	5.74	7.12	113	43	BT					
55	DH91100518	Trần Quang	Thiện	D11_MT4NT							5.17	6.18		5.74	3.71	0.00	4.05	4.35	5.32	84	31	BT					
56	DH91100520	Nguyễn Hưng	Thịnh	D11_MT4NT							5.89	5.00			4.10		6.47	5.07	5.22	65	25	BT	Nợ HP			ĐC_HP	
57	DH91100607	Phan Hoàng Thái	Thịnh	D11_MT4NT							6.78	7.09		7.13	6.19		7.53	6.37	7.05	110	42	BT					
58	DH91100514	Bùi Hải	Thống	D11_MT4NT							5.94	5.32		5.67	3.30		3.00	3.24	4.80	62	22	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
59	DH91100519	Hồ Thị Kim	Thủy	D11_MT4NT							6.61	7.14		6.78	6.57		6.67	6.21	6.70	107	40	BT					
60	DH91100606	Trần Thị Diễm	Thúy	D11_MT4NT							7.72	7.55		6.43	6.90		7.33	7.07	7.34	111	42	BT					
61	DH91100635	Nguyễn Anh	Thư	D11_MT4NT							7.11	7.41		7.26	6.29		8.07	7.00	7.16	113	43	BT					
62	DH91100641	Huỳnh Công	Thức	D11_MT4NT							5.33	6.05		6.62	5.26	0.00	6.87	4.95	5.99	96	36	BT					
63	DH91100521	Hồ Dương Minh	Tiến	D11_MT4NT							7.39	6.82		7.30	6.52		8.07	6.29	7.05	107	40	BT					
64	DH91100522	Nguyễn Công	Tiến	D11_MT4NT							7.33	6.86		6.65	4.76		6.25	4.93	6.20	94	35	BT					
65	DH91100523	Trịnh Minh	Tiến	D11_MT4NT							6.39	3.82		5.00	2.04		4.71	5.19	4.90	80	28	BT					
66	DH91100524	Huỳnh Thị Mỹ	Trang	D11_MT4NT							7.50	7.27		6.78	7.00		6.87	7.00	7.07	113	43	BT					
67	DH91100525	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D11_MT4NT							6.89	7.50		7.09	6.24		7.59	6.57	7.04	113	43	BT					
68	DH91100566	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D11_MT4NT							7.11	7.41		6.83	5.52		7.67	6.94	6.94	113	43	BT					
69	DH91100682	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D11_MT4NT							8.11	8.05		7.78	6.86		7.76	7.14	7.70	113	43	BT					
70	DH91100644	Nguyễn Thị Thủy	Trang	D11_MT4NT							7.44	7.86		7.78	7.33		8.53	7.57	7.73	113	43	BT					
71	DH91100608	Đỗ Thị Bảo	Trâm	D11_MT4NT							6.83	6.73		7.22	6.38		8.13	6.56	7.11	113	43	BT					
72	DH91100642	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	D11_MT4NT							4.78	6.55		7.09	6.29		6.82	6.69	6.63	110	42	BT					
73	DH91100684	Lê Thị Vân	Trinh	D11_MT4NT							7.67	8.00		7.30	6.52		7.93	6.69	7.41	111	42	BT					
74	DH91100646	Nguyễn Thế Bảo	Trinh	D11_MT4NT							7.44	7.09		7.13	6.52		8.33	7.29	7.24	113	43	BT					
75	DH91100527	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	D11_MT4NT							7.00	7.32		7.39	6.33		7.07	5.79	6.88	111	42	BT					
76	DH91100567	Phan Hoàng	Trọng	D11_MT4NT							6.50	8.27		7.55	6.90		6.00	5.50	7.20	102	37	BT					
77	DH91100570	Nguyễn Thanh	Trúc	D11_MT4NT							5.89	7.50		6.48	6.90		6.56	6.00	6.73	111	42	BT					
78	DH91100685	Bùi Duy	Trung	D11_MT4NT							7.78	7.14		7.39	5.33		4.47	3.86	6.42	96	35	BT					
79	DH91100686	Hồ Đức	Trung	D11_MT4NT							7.67	8.09		7.70	6.71		5.60	2.86	6.71	93	35	CCHV_1	Nợ HP	Ko_ĐKMH	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV_1]	ĐC_HP	Ko_ĐKMH
80	DH91100528	Võ Thị	Trưng	D11_MT4NT							7.61	7.09		6.96	6.29		7.53	4.75	6.85	105	39	BT					
81	DH91001659	Phạm Anh	Tuấn	D11_MT4NT				6.44	7.09		6.26	5.86		2.41	1.95			4.06	5.66	93	35	BT					
82	DH91100571	Nguyễn Thanh	Tuyền	D11_MT4NT							4.89	2.91		0.83	0.29		3.40	0.82	2.15	27	10	BTH	Nợ HP	Ko_ĐKMH	Buộc thôi học	ĐC_HP	Ko_ĐKMH
83	DH91100572	Nguyễn Thị Phương	Uyên	D11_MT4NT							7.11	7.41		7.00	6.48		7.07	5.94	6.91	111	42	BT					
84	DH91100690	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D11_MT4NT							6.83	8.00		7.52	6.57		8.67	7.57	7.49	113	43	BT					
85	DH91100691	Phạm Thị Tường	Vi	D11_MT4NT							6.72	7.41		7.17	6.33		6.35	6.21	6.81	111	42	BT					
86	DH91100692	Trần Quốc	Việt	D11_MT4NT							7.17	7.23		6.57	3.90		6.00	3.88	6.13	96	35	BT					
87	DH91100651	Huỳnh Học	Vinh	D11_MT4NT							8.00	8.27		8.33	7.86		7.80	7.93	8.05	111	42	BT					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2013 - 2014

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2011 - LỚP : D11_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ														ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2013 - 2014)			KẾT QUẢ XỬ LÝ CHUNG		
					091	092	093	101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132				XỬ LÝ HỌC VỤ	HỌC PHÍ	ĐKMH HK1 (14 - 15)	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH
88	DH91100531	Nguyễn Huỳnh Song	Vy	D11_MT4NT							4.22	6.95		5.22	5.33		4.90	4.63	5.54	89	33	BT					
89	DH91100693	Nguyễn Tấn	Xin	D11_MT4NT							7.00	6.23		7.09	5.90		7.07	5.55	6.58	106	40	BT					
90	DH91100573	Lê Thị Yến	Xuân	D11_MT4NT							8.33	7.82		7.70	6.95		6.29	5.64	7.32	103	38	BT					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 20/08/2014**

- Sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 12/09/2013. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập vì học phí (ĐC_HP).

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
Ko_ĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD [Ko_ĐKMH]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTD [Ko_ĐKMH+CCHV]	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH và cảnh cáo học vụ
CB [Ko_ĐKMH]	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình	BTH	Buộc thôi học

TpHCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ MINH TRÚC	THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	TS. CAO HÀO THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN